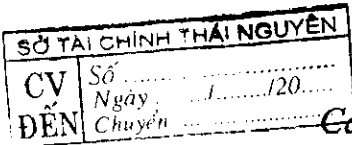


Số: 100 /2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2015

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương
tại thị trường trong nước**



Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn về việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước.

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này gồm Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước.

Điều 2. Chủ thể phát hành

Chủ thể phát hành trái phiếu chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Điều 3. Mục đích phát hành

Trái phiếu chính quyền địa phương được phát hành để đầu tư cho các chương trình, dự án thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 01/2011/NĐ-CP).

Điều 4. Điều kiện phát hành trái phiếu

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương quy định tại Điều 39 Luật Quản lý nợ công và Điều 24 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP.

Điều 5. Điều khoản của trái phiếu

Ngoài các điều khoản và điều kiện trái phiếu được quy định tại Điều 6 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, chủ thể phát hành còn phải tuân thủ các quy định sau:

1. Kỳ hạn trái phiếu

Trái phiếu chính quyền địa phương có kỳ hạn từ 1 năm trở lên. Kỳ hạn cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn và điều kiện thị trường.

2. Mệnh giá trái phiếu

Trái phiếu chính quyền địa phương có mệnh giá là một trăm nghìn (100.000) đồng. Các mệnh giá khác của trái phiếu chính quyền địa phương là bội số của một trăm nghìn (100.000) đồng.

3. Khối lượng phát hành trái phiếu

Khối lượng phát hành từng đợt do chủ thể phát hành quyết định căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn của địa phương, khả năng huy động vốn trên thị trường và phải nằm trong hạn mức phát hành đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Thông tư này.

4. Lãi suất phát hành

Lãi suất phát hành trái phiếu chính quyền địa phương do chủ thể phát hành quyết định cho từng đợt phát hành nhưng không được vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

CHƯƠNG II

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 6. Xây dựng và phê duyệt đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương

1. Khi có nhu cầu huy động vốn thông qua việc phát hành trái phiếu chính

quyền địa phương để đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh hoặc các dự án có khả năng hoàn vốn tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương cho từng năm ngân sách để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương nêu tại Khoản 1 Điều này bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 3 Thông tư này, cụ thể:

- Đầu tư vào dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh; hoặc

- Đầu tư vào dự án có khả năng hoàn vốn; hoặc

- Trường hợp đầu tư vào cả dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh và dự án có khả năng hoàn vốn, Đề án phải nêu rõ khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành cho từng mục đích.

b) Thông tin về danh mục các dự án đầu tư được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự kiến sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu, bao gồm: tên các dự án; quyết định đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn vốn thực hiện dự án; loại hình dự án (dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh hoặc dự án có khả năng hoàn vốn).

c) Báo cáo thẩm định đánh giá về khả năng hoàn vốn của dự án (đối với dự án có khả năng hoàn vốn).

d) Dự kiến điều kiện, điều khoản của trái phiếu chính quyền địa phương bao gồm: khối lượng; kỳ hạn; mệnh giá; đồng tiền phát hành; lãi suất phát hành trái phiếu; cam kết của tổ chức phát hành đối với chủ sở hữu trái phiếu về việc đảm bảo quyền lợi của chủ sở hữu trái phiếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP; điều khoản mua lại, hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương (nếu có).

đ) Dự kiến thời gian và phương thức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

e) Tình hình huy động và trả nợ gốc, lãi vốn huy động từ tất cả các nguồn của ngân sách cấp tỉnh trong 03 năm ngân sách liền kề trước năm ngân sách dự kiến phát hành theo từng hình thức huy động vốn bao gồm: dư nợ huy động vốn tại thời điểm đầu năm ngân sách; tổng huy động vốn trong năm; tình hình trả nợ gốc lãi các khoản huy động vốn trong năm; nguồn thanh toán nợ gốc, lãi các khoản huy động vốn trong năm (từ ngân sách hoặc nguồn thu của dự án); dư nợ huy động vốn tại thời điểm kết thúc năm ngân sách và tại thời điểm xây dựng đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

g) Tổng hạn mức huy động vốn tối đa được phép huy động của ngân sách cấp tỉnh tại thời điểm xây dựng đề án theo quy định tại Luật ngân sách Nhà

nước, Luật quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn.

h) Phương án bố trí nguồn vốn thanh toán lãi trái phiếu hàng năm và gốc trái phiếu khi đến hạn.

i) Dự kiến các thông tin cung cấp cho nhà đầu tư trước đợt phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chủ trương, hạn mức huy động vốn và giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương thì các nội dung này phải được nêu rõ trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 7. Chấp thuận đề án phát hành trái phiếu của Bộ Tài chính

1. Sau khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án phát hành trái phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đề nghị phát hành trái phiếu chính quyền địa phương cho Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến trước khi tổ chức phát hành. Hồ sơ gửi Bộ Tài chính bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo mẫu tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này.

b) Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

c) Văn bản phê duyệt đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương của Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

d) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự toán ngân sách cấp tỉnh của năm dự kiến phát hành trái phiếu, trong đó nêu rõ tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước.

đ) Danh mục các dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh trong kế hoạch năm (05) năm đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự kiến sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

2. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc, Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến đối với đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương. Nội dung xem xét, có ý kiến gồm:

a) Điều kiện phát hành trái phiếu;

b) Phương án phát hành trái phiếu;

c) Hạn mức huy động vốn được phép của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn;

d) Khối lượng tối đa được phép phát hành trái phiếu (đối với các dự án có khả năng hoàn vốn tại địa phương).

3. Bộ Tài chính thông báo ý kiến bằng văn bản đối với đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp không đủ điều kiện được phát hành, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1

PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Công bố thông tin trước đợt phát hành

1. Chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đấu thầu trái phiếu hoặc chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày tổ chức phát hành trái phiếu theo phương thức bảo lãnh, đại lý phát hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố những thông tin cơ bản về đợt phát hành trái phiếu chính quyền địa phương trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hoặc của Sở Tài chính hoặc của tổ chức được ủy quyền thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu hoặc của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi tổ chức đấu thầu.

2. Nội dung công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này gồm:

a) Chủ thể phát hành trái phiếu.

b) Mục đích phát hành trái phiếu.

c) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu (gồm: khối lượng; kỳ hạn; mệnh giá; phương thức thanh toán gốc, lãi; điều khoản mua lại, hoán đổi trái phiếu (nếu có)).

d) Thời gian, phương thức phát hành trái phiếu.

đ) Nguồn dự kiến trả nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.

e) Danh mục dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu, trong đó nêu rõ dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh; hoặc dự án có khả năng thu hồi vốn.

g) Tình hình huy động vốn và trả nợ gốc, lãi của ngân sách cấp tỉnh trong 3 năm ngân sách liền kề trước năm ngân sách phát hành trái phiếu từ tất cả các nguồn, bao gồm cả nguồn huy động vốn qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương (nếu có); dư nợ của ngân sách cấp tỉnh từ tất cả các nguồn tại thời điểm dự kiến phát hành trái phiếu.

h) Số liệu về tổng thu, tổng chi ngân sách cấp tỉnh đã được quyết toán hoặc số ước thực hiện thu - chi ngân sách cấp tỉnh (nếu chưa có số liệu quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt) của 3 năm ngân sách liền kề trước năm ngân sách phát hành trái phiếu, trong đó nêu rõ tổng số thu cân đối ngân sách cấp tỉnh, tổng số chi cân đối ngân sách cấp tỉnh (gồm tổng chi thường xuyên, tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản).

i) Số liệu cơ bản về dự toán thu- chi ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua của năm dự kiến phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, bao gồm tổng số thu cân đối ngân sách cấp tỉnh, tổng số chi cân đối ngân sách cấp tỉnh (trong đó gồm tổng chi thường xuyên, tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản).

Điều 9. Lãi suất phát hành trái phiếu chính quyền địa phương

1. Chậm nhất là mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày tổ chức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản thông báo kế hoạch phát hành trái phiếu để Bộ Tài chính thông báo khung lãi suất phát hành trái phiếu chính quyền địa phương. Văn bản thông báo kế hoạch phát hành bao gồm các nội dung sau:

a) Thời gian dự kiến tổ chức phát hành;

b) Dự kiến khối lượng, kỳ hạn, hình thức và phương thức phát hành trái phiếu.

2. Chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kế hoạch phát hành trái phiếu tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính thông báo cụ thể khung lãi suất phát hành trái phiếu để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức phát hành theo quy định tại Thông tư này.

3. Căn cứ vào khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định tại Khoản 2 Điều này và tình hình thị trường tại thời điểm phát hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lãi suất phát hành trái phiếu.

Điều 10. Phương thức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương

1. Theo phương thức đấu thầu:

a) Việc đấu thầu trái phiếu chính quyền địa phương được tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán nơi tổ chức đấu thầu trái phiếu Chính phủ.

b) Nguyên tắc tổ chức đấu thầu, hình thức đấu thầu, đối tượng tham gia đấu thầu, quy trình thủ tục tổ chức đấu thầu, phương thức xác định kết quả đấu thầu, phương thức thanh toán tiền mua trái phiếu được áp dụng theo quy định về phát hành trái phiếu Chính phủ theo phương thức đấu thầu tại Sở giao dịch chứng khoán.

2. Theo phương thức bảo lãnh phát hành:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành trái phiếu theo phương thức bảo lãnh cho một tổ chức bảo lãnh chính hoặc cho các thành viên bảo lãnh (sau đây gọi tắt là tổ hợp bảo lãnh) đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này, cụ thể

như sau:

- Đối với trường hợp phát hành theo phương thức bảo lãnh cho một tổ chức bảo lãnh chính thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền đàm phán trực tiếp với tổ chức bảo lãnh chính để thống nhất về khối lượng, kỳ hạn, lãi suất và phí bảo lãnh phát hành cho từng đợt phát hành. Tổ chức bảo lãnh chính có thể mua cho chính mình hoặc phân phối trái phiếu cho khách hàng theo thỏa thuận.

- Đối với trường hợp phát hành theo phương thức bảo lãnh cho tổ hợp bảo lãnh thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền đàm phán trực tiếp với thành viên bảo lãnh của tổ hợp bảo lãnh hoặc đàm phán với đại diện của tổ hợp bảo lãnh (nếu tổ hợp bảo lãnh cử đại diện) về khối lượng, kỳ hạn, lãi suất và phí bảo lãnh phát hành cho từng đợt phát hành. Thành viên bảo lãnh có thể mua trái phiếu cho chính mình hoặc phân phối trái phiếu cho khách hàng.

b) Điều kiện để trở thành tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh, quyền lợi, nghĩa vụ, quy trình lựa chọn tổ chức bảo lãnh chính và thành viên tổ hợp bảo lãnh, quy trình đàm phán, quy trình thanh toán tiền mua trái phiếu được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

3. Theo phương thức đại lý phát hành:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền phát hành trái phiếu lựa chọn các tổ chức đủ điều kiện để làm đại lý phát hành, đại lý thanh toán gốc, lãi trái phiếu.

b) Quy trình thủ tục lựa chọn đại lý phát hành, đại lý thanh toán gốc, lãi trái phiếu, quy trình tổ chức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo phương thức đại lý phát hành áp dụng theo quy trình phát hành trái phiếu Chính phủ theo phương thức đại lý phát hành.

Điều 11. Đăng ký, lưu ký và niêm yết trái phiếu

1. Trái phiếu chính quyền địa phương được đăng ký, lưu ký tập trung, thanh toán bù trừ tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được niêm yết, giao dịch tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo yêu cầu của chủ thể phát hành.

2. Quy trình đăng ký, lưu ký và niêm yết của trái phiếu chính quyền địa phương được áp dụng như quy trình đăng ký, lưu ký và niêm yết của trái phiếu Chính phủ.

Mục 2

MUA LẠI VÀ HOÁN ĐỔI TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 12. Mua lại trái phiếu

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể mua lại trái phiếu trước hạn để giảm nghĩa vụ nợ hoặc để cơ cấu lại nợ theo phương án được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chủ trương và giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt

phương án mua lại trái phiếu thì các nội dung này phải được nêu rõ trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh áp dụng quy trình, thủ tục mua lại trái phiếu Chính phủ để thực hiện mua lại trái phiếu chính quyền địa phương.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về hiệu quả của việc mua lại trái phiếu chính quyền địa phương và báo cáo Bộ Tài chính về kết quả mua lại theo quy định tại Điều 23 của Thông tư này.

Điều 13. Nguyên tắc hoán đổi trái phiếu

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể hoán đổi trái phiếu để cơ cấu lại nợ trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Thực hiện theo phương án hoán đổi trái phiếu được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt và được Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chủ trương và giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án hoán đổi trái phiếu thì các nội dung này phải được nêu rõ trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân.

b) Đảm bảo nguyên tắc ngang giá trị theo giá thị trường, công khai và minh bạch trong việc hoán đổi.

c) Đảm bảo sau khi hoán đổi trái phiếu tổng dư nợ huy động vốn của ngân sách cấp tỉnh không vượt quá hạn mức huy động vốn theo quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn.

d) Trái phiếu bị hoán đổi là trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ một năm trở lên và được lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

2. Trong thời gian hoán đổi trái phiếu (kể từ thời điểm đăng ký hoán đổi đến khi kết thúc việc hoán đổi trái phiếu), các trái phiếu đang lưu hành bị hoán đổi sẽ được phong tỏa trên tài khoản lưu ký của chủ sở hữu trái phiếu theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 14. Phương thức hoán đổi trái phiếu

1. Việc hoán đổi trái phiếu được thực hiện theo một trong hai phương thức sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành trái phiếu mới để hoán đổi trái phiếu đang lưu hành.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành bổ sung khối lượng trái phiếu nhất định theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu đang lưu hành để hoán đổi cho

một trái phiếu đang lưu hành khác.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phương thức hoán đổi trái phiếu và công bố công khai về phương thức hoán đổi trái phiếu.

Điều 15. Phương án hoán đổi trái phiếu

1. Phương án hoán đổi trái phiếu phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích hoán đổi trái phiếu.

b) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến bị hoán đổi (mã trái phiếu, khối lượng trái phiếu bị hoán đổi, ngày phát hành, ngày đáo hạn, lãi suất danh nghĩa, phương thức thanh toán lãi trái phiếu).

c) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến được hoán đổi

- Trường hợp trái phiếu phát hành bổ sung thì điều kiện, điều khoản bao gồm: ngày phát hành; ngày đáo hạn; lãi suất danh nghĩa; phương thức thanh toán lãi trái phiếu.

- Trường hợp trái phiếu phát hành lần đầu, điều kiện, điều khoản bao gồm: ngày phát hành dự kiến; kỳ hạn dự kiến; nguyên tắc xác định lãi suất danh nghĩa; phương thức thanh toán lãi trái phiếu.

d) Thời gian dự kiến tổ chức thực hiện đợt hoán đổi trái phiếu.

đ) Hạn mức huy động và dự kiến dư nợ huy động vốn của ngân sách cấp tỉnh trước và sau khi thực hiện hoán đổi trái phiếu.

2. Sau khi phương án hoán đổi trái phiếu quy định tại Khoản 1 Điều này được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi phương án hoán đổi trái phiếu để Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến về các nội dung:

- Khối lượng trái phiếu hoán đổi.

- Hạn mức huy động và dư nợ huy động vốn của ngân sách cấp tỉnh trước và sau khi thực hiện hoán đổi trái phiếu.

- Điều kiện, điều khoản của trái phiếu bị hoán đổi và điều kiện điều khoản của trái phiếu dự kiến được hoán đổi.

Điều 16. Lãi suất chiết khấu trái phiếu

1. Bộ Tài chính quyết định khung lãi suất chiết khấu để xác định giá trái phiếu bị hoán đổi và giá trái phiếu được hoán đổi trong từng đợt hoán đổi.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất với chủ sở hữu trái phiếu về mức lãi suất chiết khấu nhưng phải đảm bảo nằm trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 17. Quy trình hoán đổi trái phiếu và phí

1. Quy trình thủ tục, mức phí hoán đổi và việc xác định giá trái phiếu chính quyền địa phương bị hoán đổi áp dụng theo quy trình thủ tục, mức phí và cách xác định giá trái phiếu Chính phủ bị hoán đổi.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về hiệu quả của việc hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương và báo cáo Bộ Tài chính về kết quả hoán đổi trái phiếu theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

CHƯƠNG IV

THANH TOÁN LÃI, GỐC TRÁI PHIẾU, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, PHÍ PHÁT HÀNH VÀ PHÍ THANH TOÁN TRÁI PHIẾU

Điều 18. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu

1. Chủ thể phát hành có trách nhiệm thanh toán lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn bằng các nguồn vốn hợp pháp của mình.

2. Đối với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh, nguồn thanh toán lãi, gốc trái phiếu được đảm bảo từ ngân sách cấp tỉnh.

3. Đối với các chương trình, dự án đầu tư có khả năng hoàn vốn tại địa phương, nguồn thanh toán lãi, gốc trái phiếu từ nguồn thu hợp pháp của các chương trình, dự án này. Trường hợp nguồn thu của dự án không đủ khả năng thanh toán lãi, gốc trái phiếu đến hạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí nguồn từ ngân sách cấp tỉnh để chi trả.

Điều 19. Phí phát hành trái phiếu và phí thanh toán lãi, gốc trái phiếu

1. Phí phát hành trái phiếu

Phí đấu thầu phát hành, phí bảo lãnh phát hành và phí đại lý phát hành trái phiếu chính quyền địa phương được thoả thuận giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu. Mức phí phát hành trái phiếu chính quyền địa phương của từng phương thức tối đa bằng mức phí phát hành trái phiếu Chính phủ áp dụng đối với phương thức đó tại thị trường trong nước theo quy định hiện hành.

2. Phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu

Phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu chính quyền địa phương được áp dụng bằng mức phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính phủ theo quy định hiện hành.

3. Nguồn thanh toán phí phát hành, phí thanh toán lãi, gốc trái phiếu chính quyền địa phương được đảm bảo từ ngân sách cấp tỉnh.

Điều 20. Chế độ kế toán

Chủ thể phát hành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định của Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chế độ kế toán hiện hành.

CHƯƠNG V

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 21. Báo cáo nhanh kết quả từng đợt phát hành

Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mỗi đợt phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính chi tiết kết quả phát hành để tổng hợp, theo dõi. Nội dung báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư này.

Điều 22. Báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất

1. Trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc sau khi kết thúc năm ngân sách, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình huy động, trả nợ lãi, nợ gốc trái phiếu chính quyền địa phương bằng văn bản cho Bộ Tài chính để theo dõi theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư này.

2. Ngoài các nội dung báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính trong một số trường hợp đột xuất.

Điều 23. Báo cáo kết thúc đợt mua lại, hoán đổi trái phiếu

Trong vòng bảy (7) ngày làm việc sau khi kết thúc đợt mua lại hoặc hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định tại Thông tư này và các quy định có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Bộ Tài chính theo các nội dung sau:

1. Mã và khối lượng trái phiếu được mua lại; mã và khối lượng trái phiếu được hoán đổi; mã và khối lượng trái phiếu bị hoán đổi.

2. Lãi suất mua lại hoặc lãi suất hoán đổi trái phiếu tương ứng với từng mã trái phiếu.

3. Mức dư nợ huy động vốn của ngân sách cấp tỉnh, dư nợ trái phiếu chính quyền địa phương sau khi thực hiện mua lại, hoán đổi.

Điều 24. Công bố thông tin sau khi kết thúc đợt phát hành

Chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc sau khi kết thúc đợt phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố thông tin về kết quả phát hành trái phiếu chính quyền địa phương gồm khối lượng, kỳ hạn và lãi suất phát hành trái phiếu trên trang điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hoặc của Sở Tài chính hoặc của tổ chức được ủy quyền thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu, hoặc của Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 25. Công bố thông tin hàng năm

Trong khoảng thời gian tính từ thời điểm phát hành trái phiếu đến thời điểm trái phiếu đến hạn, hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc của Sở Tài chính và tổ chức được ủy quyền thực hiện nghiệp vụ phát hành và Sở Giao dịch Chứng khoán. Nội dung thông tin công bố hàng năm gồm:

a) Dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt của năm ngân sách trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự toán thu chi ngân sách cấp tỉnh của năm ngân sách; trong đó nêu rõ tổng số thu cân đối ngân sách cấp tỉnh, tổng số chi cân đối ngân sách cấp tỉnh (chi tiết theo tổng chi thường xuyên, tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản).

b) Quyết toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt của năm trước liền kề năm ngân sách trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quyết toán thu chi ngân sách cấp tỉnh của năm ngân sách; trong đó nêu rõ tổng số thu cân đối ngân sách cấp tỉnh, tổng số chi cân đối ngân sách cấp tỉnh (chi tiết theo tổng chi thường xuyên, tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản và tổng chi trả nợ gốc, lãi huy động vốn).

CHƯƠNG VI

XỬ LÝ VI PHẠM TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Điều 26. Đình chỉ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương

1. Bộ Tài chính thực hiện đình chỉ việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương trong các trường hợp sau:

a) Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh không thực hiện phát hành theo đúng phương án phát hành trái phiếu đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư này.

b) Lãi suất trái phiếu chính quyền địa phương phát hành vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính thông báo.

c) Khối lượng phát hành vượt khối lượng được phép phát hành theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

2. Việc đình chỉ phát hành được áp dụng đối với đợt phát hành đã thực hiện và các đợt phát hành tiếp theo (nếu có) thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này thuộc khối lượng phát hành của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Khi nhận được thông báo của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thực hiện ngay việc đình chỉ phát hành trái phiếu.

Điều 27. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương có hành vi vi phạm các quy định tại Thông tư này, tùy theo hành vi và mức vi phạm sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 7, Điều 9, Điều 15, Điều 16, Điều 21, Điều 22, Điều 26 Thông tư này.
2. Tổng hợp, theo dõi việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình phát hành, trả nợ gốc, lãi trái phiếu chính quyền địa phương của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư này.

Điều 29. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Phê duyệt hoặc ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định tại Thông tư này.
2. Phê duyệt phương án mua lại trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư này.
3. Thực hiện giám sát việc huy động, quản lý, sử dụng vốn trái phiếu chính quyền địa phương, việc trả nợ gốc, nợ lãi trái phiếu khi đến hạn hoặc giám sát việc mua lại, hoán đổi trái phiếu Theo quy định tại Thông tư này.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, kế hoạch hoàn trả vốn vay trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và hoàn thiện hồ sơ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương gửi Bộ Tài chính có ý kiến theo quy định tại Thông tư này.
2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.
3. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của số liệu nêu tại Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương. Chịu trách nhiệm đối với việc đánh giá khả năng hoàn vốn của dự án có khả năng hoàn vốn tại địa phương và khả năng trả nợ gốc, lãi của ngân sách cấp tỉnh đối với dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh.
4. Xây dựng phương án mua lại, hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định tại Thông tư này.
5. Tổ chức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định tại Thông tư này.
6. Sử dụng vốn từ việc phát hành trái phiếu đúng mục đích, hiệu quả theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn; chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc sử dụng vốn phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật.

7. Cân đối ngân sách cấp tỉnh để bảo đảm nguồn thanh toán nợ lãi, nợ gốc trái phiếu chính quyền địa phương khi đến hạn đối với trường hợp phát hành trái phiếu chính quyền địa phương để đầu tư vào các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh và đối với trường hợp dự án có khả năng hoàn vốn nhưng nguồn thu của các chương trình, dự án này không đủ thanh toán nợ lãi, nợ gốc trái phiếu theo quy định tại Thông tư này.

8. Theo dõi, giám sát việc sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả, thu hồi vốn để trả nợ đối với các dự án đầu tư có khả năng hoàn vốn tại địa phương.

CHƯƠNG VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 08 năm 2015.

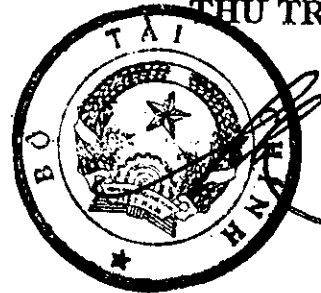
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 81/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét có hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận: *N*

- Ban bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ TCNH. 350

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Xuân Hà

Phụ lục 1

**Văn bản đề nghị phê duyệt đề án phát hành trái phiếu
chính quyền địa phương**

(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 100 /2015/TT-BTC ngày 29/06/2015)

**UBND TỈNH/THÀNH PHỐ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

....., ngày..... tháng..... năm.....

V/v: đề nghị chấp thuận đề
án phát hành trái phiếu chính
quyền địa phương

Kính gửi: Bộ Tài chính

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;
- Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH12 ngày 17/06/2009;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 29/06/ 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011 về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương;
- Căn cứ Thông tư số 100/2015/TT-BTC ngày 29/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố... đề nghị Bộ Tài chính xem xét, chấp thuận Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương năm.... đề tỉnh/thành phố được phép huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước năm....(kèm theo Đề án phát hành phát hành trái phiếu chính quyền địa phương) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên tổ chức phát hành;
2. Khối lượng phát hành dự kiến
3. Các kỳ hạn trái phiếu dự kiến
4. Hình thức phát hành trái phiếu dự kiến
5. Mệnh giá trái phiếu dự kiến
6. Phương thức phát hành dự kiến
7. Thời gian phát hành dự kiến

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố xin gửi kèm theo công văn này Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương đã được Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố... phê duyệt

và các văn bản bao gồm: (liệt kê các văn bản gửi kèm theo quy định tại Điều 9 Thông tư này).

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố chịu toàn bộ trách nhiệm đối với tính chính xác, trung thực của số liệu nêu tại Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến đối với đề án theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2

Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo phương thức bảo lãnh

(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 100 /2015/TT-BTC ngày 29/06/2015)

1. Điều kiện trở thành tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh
 - a) Là các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty chứng khoán được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được phép cung cấp dịch vụ bảo lãnh chứng khoán theo quy định của pháp luật liên quan.
 - b) Có vốn điều lệ thực góp tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật liên quan.
 - c) Có thời gian hoạt động tối thiểu là ba (03) năm.
 - d) Có kinh nghiệm hoạt động bảo lãnh chứng khoán, trong đó tối thiểu phải thực hiện một (01) hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu.
 - d) Có đơn đề nghị trở thành tổ chức bảo lãnh chính.
2. Quyền lợi của tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh
 - a) Được đàm phán và thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền về đợt bảo lãnh phát hành trái phiếu.
 - b) Được quyền mua trái phiếu của đợt bảo lãnh phát hành theo hợp đồng bảo lãnh ký kết với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền. Tổ chức bảo lãnh chính có thể mua trái phiếu cho mình hoặc cho các khách hàng của mình.
 - c) Được hưởng phí bảo lãnh trên cơ sở đàm phán thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền theo quy định tại Thông tư này.
3. Quy trình lựa chọn tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh.
 - a) Tối thiểu 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức phát hành trái phiếu theo phương thức bảo lãnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền về kế hoạch tổ chức đợt bảo lãnh phát hành trái phiếu và làm mời đăng ký tham gia tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh. Nội dung thông báo bao gồm:
 - Thông tin về trái phiếu dự kiến phát hành bao gồm: Khối lượng phát hành; Kỳ hạn trái phiếu dự kiến phát hành; Ngày tổ chức phát hành; Ngày phát hành; Ngày đến hạn; Ngày thanh toán tiền mua trái phiếu; Phương thức thanh toán tiền lãi, gốc trái phiếu; Tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
 - Thông tin về việc lựa chọn tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ

hợp bảo lãnh bao gồm điều kiện, tiêu chuẩn của tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh quy định tại Điểm 1 Phụ lục này.

b) Các tổ chức đáp ứng đủ điều kiện và có nhu cầu trở thành tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh gửi hồ sơ đăng ký theo đúng quy định tại thông báo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký trở thành thành viên tổ hợp bảo lãnh.

- Đề xuất phương án bảo lãnh phát hành trái phiếu với các nội dung cơ bản sau đây: Thông tin giới thiệu về tổ chức; Phân tích, nhận định và dự báo về khả năng phát hành trái phiếu theo phương thức bảo lãnh; Kế hoạch thực hiện đối với đợt bảo lãnh phát hành dự kiến; Cam kết của tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh và đề xuất mức phí bảo lãnh phát hành trái phiếu.

- Các cam kết của tổ chức bảo lãnh chính.

- Các tài liệu chứng minh đủ điều kiện để trở thành tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh, bao gồm:

- + Bản sao Giấy phép kinh doanh được chứng thực;

- + Báo cáo tài chính của 03 năm liền kề gần nhất đã được kiểm toán;

- + Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của tổ chức trong lĩnh vực bảo lãnh chứng khoán, trong đó có bảo lãnh phát hành trái phiếu (nếu có).

- Hồ sơ đăng ký trở thành tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh phải gửi tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền phải được niêm phong.

c) Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ tham gia làm tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền mở hồ sơ niêm phong và tổ chức đánh giá và quyết định lựa chọn tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh theo các căn cứ sau:

- Tiêu chuẩn, điều kiện của tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh.

- Năng lực, kinh nghiệm và khả năng tổ chức đợt phát hành trái phiếu chính quyền địa phương của tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh.

- Mức phí bảo lãnh phát hành đề xuất.

d) Kết quả lựa chọn tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho các tổ chức đã thực hiện đăng ký và công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền.

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền và tổ chức bảo lãnh chính hoặc tổ hợp bảo lãnh thống nhất nội dung và ký hợp đồng nguyên tắc

thực hiện đợt bảo lãnh phát hành trái phiếu.

4. Đàm phán và tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu

a) Căn cứ vào khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc tổ chức được ủy quyền) và tổ chức bảo lãnh chính hoặc tổ hợp bảo lãnh thực hiện đàm phán thống nhất về khối lượng, điều kiện, điều khoản trái phiếu (kỳ hạn, lãi suất phát hành, ngày phát hành, ngày thanh toán tiền mua trái phiếu, giá bán trái phiếu), phí bảo lãnh và các nội dung liên quan khác. Giá bán trái phiếu chính quyền địa phương theo phương thức bảo lãnh phát hành được xác định theo nguyên tắc xác định giá bán trái phiếu Chính phủ phát hành theo phương thức bảo lãnh phát hành tại thị trường trong nước.

b) Trên cơ sở kết quả đàm phán, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc tổ chức được ủy quyền) ký hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu với tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh. Hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu là căn cứ pháp lý xác nhận các quyền, nghĩa vụ của tổ hợp bảo lãnh; quyền, nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền.

c) Chậm nhất vào ngày làm việc liền kề sau ngày ký hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc tổ chức được ủy quyền) thông báo kết quả bảo lãnh cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán để làm thủ tục đăng ký, lưu ký và niêm yết đối với trái phiếu; đồng thời công bố kết quả bảo lãnh trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền.

5. Thanh toán tiền mua trái phiếu

a) Ngày thanh toán tiền mua trái phiếu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức bảo lãnh chính hoặc tổ hợp bảo lãnh thỏa thuận và quy định tại Hợp đồng nguyên tắc bảo lãnh phát hành trái phiếu.

b) Chậm nhất vào 16h ngày thanh toán tiền mua trái phiếu theo thông báo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được ủy quyền, tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh phải đảm bảo toàn bộ số tiền mua trái phiếu của tổ chức bảo lãnh chính hoặc thành viên tổ hợp bảo lãnh (bao gồm cả tiền mua trái phiếu của khách hàng) được ghi có vào tài khoản thanh toán tiền mua trái phiếu theo khối lượng đã đăng ký do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định.

Phụ lục 3

Mẫu báo cáo kết quả từng đợt phát hành trái phiếu chính quyền địa phương
(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 100 /2015/TT-BTC ngày 29/06/2015)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ
BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
ĐỢT ...NĂM

1. Kế hoạch và kết quả phát hành

Kế hoạch phát hành					Kết quả phát hành						
Kỳ hạn phát hành theo kế hoạch được duyệt	Khối lượng phát hành theo kế hoạch	Phương thức phát hành dự kiến	Lãi suất đăng ký được Bộ Tài chính phê duyệt	Mệnh giá trái phiếu	Khối lượng phát hành thực tế	Phương thức phát hành	Lãi suất phát hành	Mệnh giá trái phiếu	Thời gian phát hành	Ngày đến hạn trái phiếu	Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu
2 năm											
3 năm											
5 năm											
....											

2. Đối tượng mua trái phiếu

Tên tổ chức	Kỳ hạn 2 năm	Kỳ hạn 3 năm	Kỳ hạn 5 năm	Tổng
A					
B					
C					

Phụ lục 4

Mẫu báo cáo định kỳ năm về tình hình huy động và trả nợ gốc, lãi trái phiếu chính quyền địa phương

(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 100 /2015/TT-BTC ngày 29/06/2015)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
THÀNH PHỐ ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

....., ngày..... tháng..... năm.....

V/v: Báo cáo định kỳ năm
về tình hình huy động và trả
nợ gốc, lãi trái phiếu

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ quy định tại Điều 24 Thông tư số 100/2015/TT-BTC ngày 29/6/2015 về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố báo cáo về tình hình huy động và trả nợ gốc, lãi trái phiếu chính quyền địa phương như sau:

1. Số dư trái phiếu chính quyền địa phương đầu kỳ tỷ đồng.
2. Số phát hành trái phiếu chính quyền địa phương trong năm
 - Kỳ hạn 2 năm, khối lượng ... tỷ đồng.
 - Kỳ hạn 3 năm, khối lượng ... tỷ đồng.
 - Kỳ hạn 5 năm, khối lượng ... tỷ đồng......
3. Tình hình thanh toán gốc, lãi trong kỳ:
 - Trả nợ gốc: tỷ đồng (thời điểm thanh toán).
 - Trả nợ lãi: tỷ đồng (thời điểm thanh toán).
4. Số dư trái phiếu chính quyền địa phương cuối kỳ tỷ đồng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)